

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DREAM HOUSE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DREAM HOUSE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DREAM HOUSE CONSTRUCTION INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110615415

3. Ngày thành lập: 26/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 255B đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983782888

Fax:

Email: dreamhousegroup.vn@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại; - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
16.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
17.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
19.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản; - Môi giới bất động sản	6820
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thi công xây dựng công trình; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
26.	Bán buôn tổng hợp	4690
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
28.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
33.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
34.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
35.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
36.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
37.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
38.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
39.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
40.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
41.	Sản xuất đường	1072
42.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
43.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
45.	Sản xuất chè	1076
46.	Sản xuất cà phê	1077
47.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
48.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
49.	Sản xuất rượu vang	1102
50.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
51.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
52.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
53.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
54.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
55.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
57.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
58.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
59.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
60.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
61.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
62.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
63.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
64.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
65.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

66.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
67.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
68.	Đúc sắt, thép	2431
69.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
70.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
71.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
72.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
73.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
74.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
75.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
76.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
77.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
78.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
79.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
80.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
81.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4791
83.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4799
84.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
86.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
87.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
88.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
91.	Bốc xếp hàng hóa	5224
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
93.	Bưu chính	5310
94.	Chuyển phát	5320
95.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
96.	Cơ sở lưu trú khác	5590
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
99.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

100.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
101.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
102.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
103.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
104.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
105.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
106.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
107.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
108.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
109.	Xây dựng nhà để ở	4101
110.	Xây dựng nhà không để ở	4102
111.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
112.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
113.	Xây dựng công trình điện	4221
114.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
115.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
116.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
117.	Xây dựng công trình thủy	4291
118.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
119.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
120.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
121.	Phá dỡ	4311
122.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
123.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
124.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
125.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
126.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
127.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
128.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
129.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

Thời gian đăng từ ngày 27/01/2024 đến ngày 26/02/2024

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ DANH HOÀ	Thôn Đại Vàng, Xã Thọ Dân, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	55,000	0380920145 20	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	495.000	4.950.000.000	55,000		
2	LÊ THỊ TU	Thôn Đại Vàng, Xã Thọ Dân, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	5,000	0381940080 59	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	45.000	450.000.000	5,000		

3	NGUYỄN VĂN KHOÁT	Thôn Hiệp Đồng, Xã Thường Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	40,000	024087027134
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ DANH HOÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1992 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038092014520

Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đại Vàng, Xã Thọ Dân, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đại Vàng, Xã Thọ Dân, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội